

Số: /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

1. Khoản 7 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn do Nhà nước giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý.

2. Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.

3. Khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) về rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý.

4. Khoản 3 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án độc lập thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai tại tỉnh Tuyên Quang.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15 (sau đây viết tắt là Luật Đất đai); người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao quản lý theo quy định tại Điều 7 Luật Đất đai.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn do Nhà nước giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý**

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất có khả năng khai thác ngắn hạn trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất và của Trung tâm phát triển quỹ đất trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày công bố để lựa chọn tổ chức, cá nhân xin thuê đất.

Nội dung đăng tải công khai gồm: Thông tin về địa chỉ, diện tích của khu đất, thửa đất; tài sản gắn liền với đất (nếu có); mục đích sử dụng; thời hạn thuê đất; đơn giá khởi điểm cho thuê đất và có bản đồ trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất kèm theo.

2. Trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất có khả năng khai thác ngắn hạn nêu tại khoản 1 Điều này, Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân được thuê đất.

3. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất phải có Đơn xin thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này và có đề xuất đơn giá thuê đất cao nhất.

4. Trong thời hạn chậm nhất 05 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được thuê đất, Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được thuê đất trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và của Trung tâm phát triển quỹ đất. Thời gian thực hiện công khai là 15 ngày.

5. Trung tâm phát triển quỹ đất và tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất tiến hành thương thảo hợp đồng thuê đất trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian công khai tại khoản 4 Điều này. Biên bản thương thảo hợp đồng thuê đất phải thể hiện mục tiêu đầu tư, dự kiến công trình xây dựng trên đất; khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình; cam kết của bên thuê đất về việc sử dụng đất đúng mục đích theo mục tiêu đầu tư, không xây dựng các công trình kiên cố, tự nguyện tháo dỡ công trình, tài sản gắn liền với đất, cây cối, hoa màu khi được Trung tâm phát triển quỹ đất thông báo về việc chấm dứt hợp đồng và không yêu cầu bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất.

6. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất thực hiện nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình theo Biên bản thương thảo hợp đồng thuê đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương thảo hợp đồng thuê đất để quản lý theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn nộp tiền đặt cọc theo quy định tại khoản này mà tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất không thực hiện nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình thì Trung tâm phát triển quỹ đất thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất huỷ kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được thuê đất.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình, Trung tâm phát triển quỹ đất ký Hợp đồng cho thuê đất theo Mẫu số 5a ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) đối với tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất.

**Điều 4. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác**

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường cấp xã theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 5. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý**

1. Rà soát và lập danh mục thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã hoàn thành việc rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) và thông tin các thửa đất liền kề với thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; tổng hợp theo Biểu mẫu số 01 kèm theo Quyết định này.

Trường hợp thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt chưa được lập bản đồ hoặc chưa thể hiện trong hồ sơ địa chính thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đo đạc lập bản trích đo hiện trạng, xác định diện tích thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và ranh giới với các thửa đất tiếp giáp.

2. Đề xuất phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

Căn cứ kết quả rà soát tại khoản 1 Điều này, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã đề xuất phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung); tổng hợp theo Biểu mẫu số 02 kèm theo Quyết định này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 30 tháng 4 hằng năm để công khai, lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công khai, lấy ý kiến nhân dân về danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh mục và phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu, điểm dân cư nơi có đất; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, các buổi họp thôn, tổ dân phố, khu dân cư để lấy ý kiến nhân dân.

b) Thời gian niêm yết công khai, lấy ý kiến nhân dân là 15 ngày.

Trong thời gian niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã cử cán bộ tiếp nhận ý kiến phản ánh (bằng văn bản, trực tiếp, qua điện thoại, qua trang thông tin điện tử...) của tổ chức, cá nhân.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc niêm yết, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện:

Lập biên bản kết thúc việc niêm yết, công khai, lấy ý kiến nhân dân; tổng hợp bằng văn bản ghi rõ số lượng ý kiến không đồng ý, ý kiến khác.

Giải quyết kiến nghị liên quan theo thẩm quyền (nếu có).

Hoàn thiện phương án theo Biểu mẫu số 02 kèm theo Quyết định này, trình Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Phê duyệt danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; công bố công khai danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

a) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phê duyệt danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt để công bố, công khai.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã công bố, niêm yết, công khai danh mục, phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt đã được phê duyệt trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa thôn, xóm, bản, tổ dân phố hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng nơi có đất và thông báo trên phương tiện truyền thanh của cấp xã, khu, điểm dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt. Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày.

5. Việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giao đất, cho thuê đất theo phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt đã được phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phân cấp thẩm quyền quyết định một số nội dung trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; công khai quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án độc lập thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất**

1. Điều kiện

Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiêu chí

a) Có ít nhất một mặt tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng hoặc đường giao thông đã được quy hoạch, có khả năng kết nối với giao thông và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

b) Các thửa đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý phải nằm liền kề nhau, không bị chia cắt bởi các thửa đất khác.

### 3. Quy mô

Có diện tích nằm ngoài chỉ giới đường đỏ tối thiểu từ 500 m<sup>2</sup> trở lên đối với đất thương mại, dịch vụ; từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên đối với đất khác.

4. Trường hợp khu đất đáp ứng điều kiện, tiêu chí, quy mô theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này phải đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ diện tích như sau:

a) Đối với địa bàn phường: Tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý từ 50% trở lên trên tổng diện tích đất đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

b) Đối với địa bàn xã: Tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý từ 60% trở lên trên tổng diện tích đất đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

5. Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước, hồ sơ hợp lệ đã được tiếp nhận và thẩm định đủ điều kiện tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc hồ sơ dự án đã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực mà chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thì được áp dụng quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án độc lập thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

b) Bãi bỏ số thứ tự 10 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Như khoản 4 Điều 7;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh - truyền hình Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN (Chính).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Gia Long**

**Mẫu số 01. Đơn đề nghị cho thuê đất**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO THUÊ ĐẤT**

Kính gửi: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang.

1. Người đề nghị<sup>1</sup>: .....
2. Địa chỉ/trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...): .....
4. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., tỉnh...): .....
5. Diện tích đất (m<sup>2</sup>): .....
6. Để sử dụng vào mục đích: .....
7. Đơn giá thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>): .....
8. Thời hạn sử dụng đất: .....
9. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai; nộp tiền thuê đất.
- Các cam kết khác (nếu có).....
10. Tài liệu gửi kèm (nếu có).....

**Người làm đơn**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

<sup>1</sup> Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, Cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập Cơ quan, tổ chức sự nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**BIỂU MÀU SỐ 01****DANH MỤC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NẴM XEN KẸP DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ  
TẠI THÔN (XÓM, TỔ DÂN PHỐ) ....., XÃ (PHƯỜNG) ....., TỈNH TUYÊN QUANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Địa điểm thửa đất (thôn, xã)	Số thửa, số tờ trên bản đồ, hồ sơ quản lý đất đai	Diện tích dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất (nếu có)	Quy hoạch	Thông tin về thửa đất tiếp giáp, liền kề			Ghi chú
							Thửa số 01	Thửa số 02	Thửa số ...	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

**Ghi chú:**

- Tại cột số 7: Ghi thông tin theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt.
- Tại cột số 8, 9, 10: Ghi thông tin về thửa đất tiếp giáp (chủ sử dụng đất, loại đất, diện tích đang sử dụng, đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận) và kèm theo sơ đồ thửa đất nhỏ hẹp và các thửa đất giáp ranh.

**BIỂU MÀU SỐ 02****PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG THỪA ĐẤT NHỎ HẸP, NẴM XEN KẸP DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ  
TẠI THÔN (TỔ DÂN PHỐ) ....., XÃ (PHƯỜNG) ....., TỈNH TUYÊN QUANG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Địa điểm thừa đất (thôn, xã)	Số thửa, số tờ trên bản đồ, hồ sơ quản lý đất đai	Diện tích dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất (nếu có)	Quy hoạch	Thông tin về thửa đất tiếp giáp, liền kề			Phương án quản lý, sử dụng thửa đất nhỏ hẹp	Ghi chú
							Thửa số 01	Thửa số 02	Thửa số ...		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

**Ghi chú:**

- Tại cột số 7: Ghi thông tin theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt.
- Tại cột số 8, 9, 10: Ghi thông tin về thửa đất tiếp giáp (chủ sử dụng đất, loại đất, diện tích đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận) và kèm theo sơ đồ thửa đất nhỏ hẹp và các thửa đất giáp ranh.
- Tại cột số 11: Ghi cụ thể phương án sử dụng đất: Sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất cho chủ sử dụng đất liền kề để sử dụng vào mục đích theo quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt.